

TRƯỜNG PTDTNT THCS&THPT VĨNH THẠNH

MÔN ĐỊA LÝ

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ 2, LỚP 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung cần đạt	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai ²			Trả lời ngắn ³									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Địa lí dân cư	Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới.	1		1				1	2				1	2	2	2	32,5
		Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới	1	1					1						2	1		7,5
2	Chủ đề 2. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	Các nguồn lực phát triển kinh tế.	1	1											1	1		5
		Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.	1			2	2								3	2		12,5
3	Chủ đề 3. Địa lí ngành	Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố	1			2	2								3	2		12,5

nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.																
	Địa lí ngành nông nghiệp.	1						1		1		1		2	1	1	17,5
	Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản.	1		1				1		1				2		2	10
	Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	1												1			2,5
Tổng số câu		8	2	2	4	4		4	2	2		1	1	16	9	5	30
Tổng số điểm		3,0 ⁵			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	
Tỉ lệ %		30			20			20			30			40	30	30	

² Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai.

⁴ Có trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

⁵ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng tỉ lệ 30%; tương tự như thể đối với các dạng khác.

⁶ Có trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học)

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ 2, LỚP 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 1. Địa lí dân cư	Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới.	Nhận biết – Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá). (NL1) Thông hiểu – Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư) (NL1)	1						1					

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			- Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. (NL1) - Xử lí số liệu, tính toán bảng số liệu về dân số. (NL2) Vận dụng – Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). (NL2) – Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. (NL2)			1					2				1
		Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới	Nhận biết – Trình bày được khái niệm Đô thị hoá (NL1). - Tính mật độ dân số. (NL2) Thông hiểu – Phân tích được tác động của các nhân	1						1					

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			tổ tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. (NL1) – Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. (NL1)		1										
2	Chủ đề 2. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	Các nguồn lực phát triển kinh tế.	Nhận biết – Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực (NL1) Thông hiểu – Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế. (NL1)	1											
		Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.	Nhận biết – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế (NL1) Thông hiểu – Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế,	1			2								

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			theo lãnh thổ. (NL1)												
	Chủ đề 3 Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. (NL1) Thông hiểu – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. (NL1)	1			2								
		Địa lí ngành nông nghiệp.	Nhận biết – Trình bày được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. (NL1) - Sử dụng số liệu để tính toán. Thông hiểu – Giải thích được sự phân bố của một	1						1					

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá												
				TNKQ									Tự luận			
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn						
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
			số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. (NL1) Vận dụng – Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. (NL2) – Giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. (NL3)												1	
		Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản.	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm của ngành, lâm nghiệp, thủy sản. (NL1) Vận dụng	1						1						

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			– Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về , lâm nghiệp, thủy sản. (NL2).			1						1			
		Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp	Nhận biết – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. (NL1)	1											
Tổng số câu				8	2	2	4	4		4	2	2		1	1
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ%				30			20			20			30		

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II- ĐỊA LÍ 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai ¹			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên										1				1		10
		Dân cư, xã hội				2	2								2	2		10
		Kinh tế	6							2	2				6	2	2	25

2	Chủ đề 2. Liên bang Nga	Kinh tế	6			2	2							8	2		25
		Công nghiệp khai thác dầu khí											1 (a,b)			1	20
3	Chủ đề 3. Nhật Bản	Dân cư, xã hội							2	2					2	2	10
Tổng số câu			12			4	4		4	4		1	1	16	9 (8TN, 1TL)	5 (4TN, 1TL)	100
Tổng số điểm			3,0		2,0			2,0		3,0			4,0	3,0	3,0		
Tỉ lệ %			30		20			20		30			40	30	30		

¹ Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai.

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II- ĐỊA LÍ 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đ ơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 1. Hợp chúng quốc Hoa Kì	Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.											1	
		Dân cư, xã hội	- Hiểu Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội (NL1). - Vận dụng + Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu (NL2). +Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích (NL2).				2	2							
		Kinh tế	- Biết + Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) (NL1).	6							2	2			

			<p>+ Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành nền kinh tế Hoa Kỳ (NL1).</p> <p>- Hiểu</p> <p>Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ (NL1).</p> <p>- Vận dụng</p> <p>+ Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu (NL2).</p> <p>+ Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích (NL2).</p> <p>+ Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới (NL3).</p>												
2	Chủ đề 2. Liên bang Nga	Kinh tế	<p>- Biết</p> <p>Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế (NL1).</p> <p>- Vận dụng</p> <p>Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu (NL2).</p>	6			2	2							
		Công nghiệp khai thác dầu khí	<p>Vận dụng</p> <p>Vẽ được biểu đồ, nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí (NL2).</p>												1 (a,b)

3	Chủ đề 3. Nhật Bản	– Dân cư, xã hội	Hiểu Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.(NL1) Vận dụng - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu (NL2). -Vẽ được biểu đồ, nhận xét (NL2).							2	2			
Tổng số câu				12			4	4		4	4	0	1	1
Tổng số điểm				3,0		2,0			2,0		3,0			
Tỉ lệ%				30		20			20		30			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GK2 LỚP 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Vấn đề phát triển dịch vụ	- Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.								1					1		2,5	
		- Giao thông vận tải	2											2			5	
		- Bưu chính viễn thông	2											2			5	
		- Thương mại	1			2		2						3		2	12,5	
		- Du lịch									1					1	2,5	
2	Chủ đề 2. Địa lí các vùng kinh tế	Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	1						1	1		1		1	2	1	27,5	
		Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng	3							1	1			1	3	1	2	22,5

		bằng sông Hồng																
		Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	2							1				2		1	7,5	
		Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	1			2	1	1			1			3	1	2	15	
Tổng số câu			12			4	1	3		3	5		1(a,b)	1	16	4TN, 1TL	8TN, 1TL	30
Tổng số điểm			3,0 điểm			2,0 điểm			2,0 điểm			3,0 điểm			4,0	3,0	3,0	
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%			40,0	30,0	30,0	100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II, LỚP 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1		- Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự	Thông hiểu - Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du								1				

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
	Chủ đề 1. Vấn đề phát triển dịch vụ)	phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.	lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững. (NL2).												
		- Giao thông vận tải	Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải (NL1)	2											
		- Bưu chính viễn thông	Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông (NL1).	2											
		- Thương mại	Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại (NL1). Vận dụng - Vẽ được biểu đồ, sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành thương mại (NL2).	1			2		2						
		- Du lịch	Vận dụng									1			

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			- Vẽ được biểu đồ, sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành du lịch. (NL2)												
2	Chủ đề 2. Địa lí các vùng kinh tế	Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. (NL1). Vận dụng - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng (NL2)	1							1	1			
		Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. (NL1). Thông hiểu - Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển	3							1	1			1

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ. (NL2). Vận dụng - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng. (NL2)												
		Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Nhận biết - Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. (NL1). Vận dụng - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng. (NL2)	2								1			
		Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. (NL1).	1			2	1	1			1			

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			- Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển. (NL1). Thông hiểu - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển. (NL1). Vận dụng - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. (NL2)												
Tổng số câu				12			4	1	3		3	5		1	1
				3,0đ			1.0đ	0.25đ	0,75đ		0,75đ	1.25đ		2,0đ	1,0đ
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			20%			20%			30%		

1. Xây dựng ma trận đề kiểm tra cuối học kì II, lớp 10

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai ²			Trả lời ngắn ³									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Địa lí dân cư	– Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới – Gia tăng dân số – Cơ cấu dân số – Phân bố dân cư – Đô thị hoá	4												4			10
2	Địa lí các ngành kinh tế	– Công nghiệp	3						2	2				1	3	2	4	37,5
		– Dịch vụ	3			2	2			2	2		1		5	2	3	37,5
3	Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	– Môi trường và tài nguyên thiên nhiên – Phát triển bền vững – Tăng trưởng xanh	2			2	2								4	2		15
Tổng số câu			12			4	4			4	4		1	1	16	9	5	30

Tổng số điểm	3,0	2,0	2,0	3,0	4,0	3,0	3 , 0	10,0
Tỉ lệ %	30	20	20	30	40	30	3 0	100

2. Xây dựng bản đặc tả

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, LỚP 10

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiể u	V D	Biết	Hiể u	VD	Biết	Hiể u	VD	Biế t	Hiể u	VD
1	Địa lí dân cư	– Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới – Gia tăng dân số – Cơ cấu dân số – Phân bố dân cư – Đô thị hoá	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. (NL1) – Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội	4											

			(lao động, trình độ văn hoá). (NL1) – Trình bày được khái niệm Đô thị hoá. (NL1) - Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế. (NL1)											
2	Chủ đề 2.	– Công nghiệp	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. (NL1) - Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. (NL1) – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. (NL1)	3										
			Thông hiểu – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. (NL2)							2				
			Vận dụng – Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. (NL2)								2			1
		– Dịch vụ	Nhận biết – Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ. (NL1) – Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại,	3			2							

			du lịch, tài chính ngân hàng. (NL1) - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới. (NL1)											
			Thông hiểu Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. (NL1)					2				2		
			Vận dụng – Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương. (NL3)										2	1
3	Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	– Môi trường và tài nguyên thiên nhiên – Phát triển bền vững – Tăng trưởng xanh	Nhận biết – Trình bày được khái niệm phát triển bền vững. (NL1) – Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. (NL1)	2				2						
			Thông hiểu – Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. (NL2) – Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. (NL2) – Trình bày được sự cần thiết					2						

			phải phát triển bền vững. (NL1)												
Tổng số câu				12			4	4			4	4		1	1
Tổng số điểm				3,0		2,0			2,0			3,0			
Tỉ lệ%				30		20			20			30			

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai ²			Trả lời ngắn ³									
			Biết	Hiểu	VD	Biết t	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết t	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 8: Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa	Nội dung 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc							2						2		5%	
		Nội dung 2: Kinh tế Trung Quốc	4			2	1	1		2	2			1	6	3	4	50%
2	Chủ đề 9: Ô- xtrây-li- a	Nội dung: Đọc bản đồ; phân tích số liệu, tư liệu và viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a							2						2		5%	

3	Chủ đề 10: Cộng hòa Nam Phi	Nội dung 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hòa Nam Phi	4									1		4	1		20%	
		Nội dung 2: Kinh tế Cộng hòa Nam Phi	4			2	1	1						6	1	1	20%	
Tổng số câu			12			4	2	2		6	2		1	1	16	9	5	30
Tổng số điểm			3,0 ⁵			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

² Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai.

⁴ Có trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

⁵ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng tỉ lệ 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

⁶ Có trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học)

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II, NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 8: Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa	Nội dung 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc	* Thông hiểu - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội. (NL1) - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. (NL1)								2				
		Nội dung 2: Kinh tế Trung Quốc	* Nhận biết - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số	4			2								1 (a,b)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới. (NL1) * Thông hiểu Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. (NL1) * Vận dụng - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu về Trung Quốc (NL2) - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. (NL2) - Trình bày được những thay đổi trong GDP, giá					1			2				
									1			2			

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải. (NL2)												
2	Chủ đề 9: Ô- xtrây-li- a	Nội dung: Đọc bản đồ; phân tích số liệu, tư liệu và viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Ô- xtrây-li-a	* Thông hiểu Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. (NL2)								2				
3	Chủ đề 10: Cộng hòa Nam Phi	Nội dung 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội	*Nhận biết Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội. (NL1) *Thông hiểu	4										1	

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
		Cộng hòa Nam Phi	<p>- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế. (NL1)</p> <p>- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. (NL1)</p>												
		Nội dung 2: Kinh tế Cộng hòa Nam Phi	<p>*Nhận biết</p> <p>Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế. (NL1)</p>	4			2								
								1							

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			Thông hiểu Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế. (NL1) *Vận dụng Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu về Trung Quốc (NL2)						1						
Tổng số câu				12			4	2	2		6	2		1	1
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ%				30			20			20			30		

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	– Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế biển	4								1				4		1	12,5
2	Chủ đề 2. Khai thác thế mạnh để phát	– Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế	2								2		1		2	1	2	30,0

	triển kinh tế ở Tây Nguyên																	
3	Chủ đề 3. Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế – Phát triển các ngành kinh tế – Vấn đề bảo vệ môi trường 				2	2				2				2	2	2	15,0
4	Chủ đề 4. Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Sử dụng hợp lí tự nhiên – Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm – Du lịch 	2			2	2				2				4	2	2	20,0
5	Chủ đề 5. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	<ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm vùng kinh tế trọng điểm – Quá trình hình thành và phát triển, nguồn lực, thực trạng, định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm 	2								1				2		1	7,5
6	Chủ đề 6. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc	Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo	2											1	2		1	15,0

	phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	<div><div>– Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo</div><div>– Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước;</div></div>																
Tổng số câu			12			4	4				8		1	1	16	5	9	30
Tổng số điểm			3,0		2,0		2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10				
Tỉ lệ %			30		20		20		30		40	30	30	100				

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá												
				TNKQ									Tự luận			
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn						
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	<div>– Khái quát về vùng</div> <div>– Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế biển</div>	Nhận biết <div>– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. (NL1)</div> <div>– Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển. (NL1)</div> Vận dụng <div>– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. (NL2)</div>	4												
2	Chủ đề 2. Khai thác thế	<div>– Khái quát về vùng</div>	Nhận biết	2												

	triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế – Phát triển các ngành kinh tế – Vấn đề bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. (NL1) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng. (NL1) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế. (NL2) 					2										
4	Chủ đề 4. Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Sử dụng hợp lí tự nhiên 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. (NL1) – Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản 	2			2							2				

	và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	đảo, quần đảo – Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo – Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước;	– Trình bày được khái quát về Biển Đông. – Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. (NL1) Vận dụng - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta. (NL1)												1
Tổng số câu				12			4	4				8		1	1
Tổng số điểm				3,0		2,0		2,0		3,0					
Tỉ lệ%				30		20		20		30					